

CTCP Đầu tư Thương mại SMC

Ngày 31/12/2025	13,150 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.8%	-1.9%	19.0%

DT thuần Q4/25
1,638
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 67.0 4.3%
YoY: ▼539 -24.8%

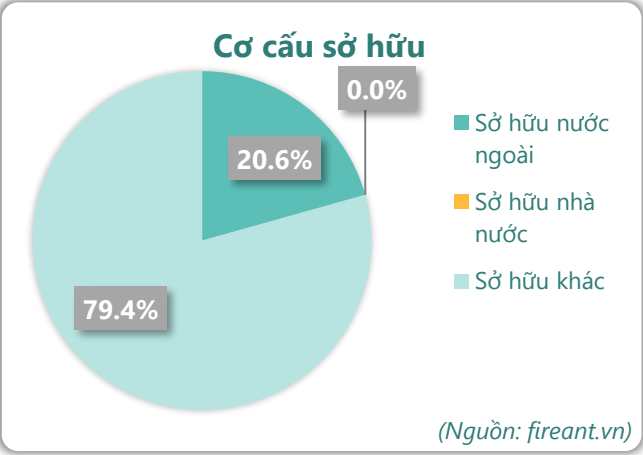
LN thuần Q4/25
163
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 245 300%
YoY: ▲ 405 168%

LN sau thuế Q4/25
344
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 422 542%
YoY: ▲ 638 217%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
5.5%
YoY: +/-▲ 3.0%

ROE 2025
18.6%
YoY: +/-▲ 14.9%

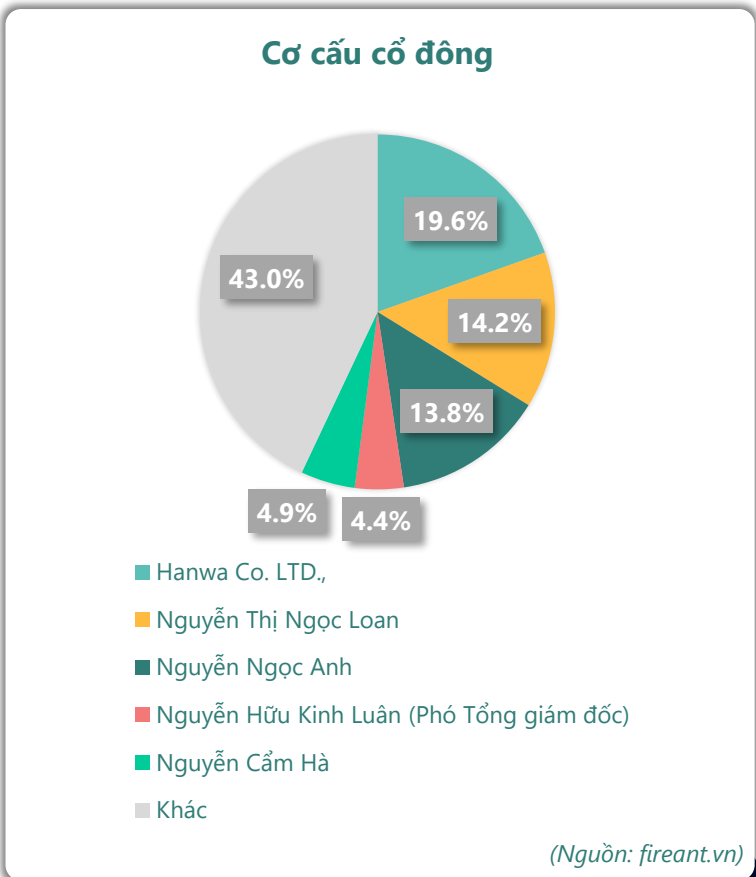
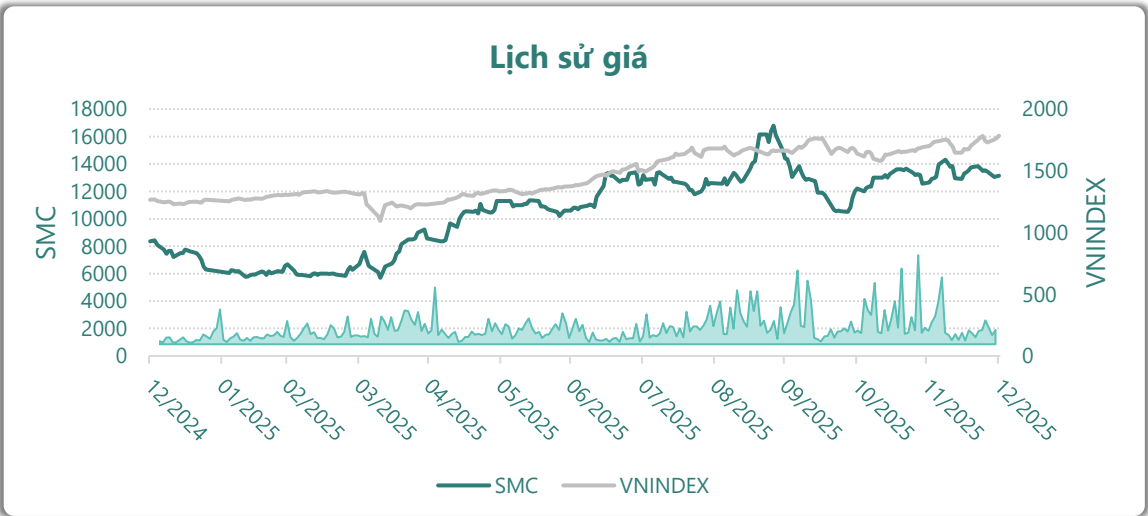
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,700 - 16,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	968
Số lượng CPLH (CP)	73,606,837
KLGD BQ 20 phiên (CP)	292,645
Sở hữu nước ngoài	20.6%
Beta	0.64
EPS	2,275
P/E	5.8



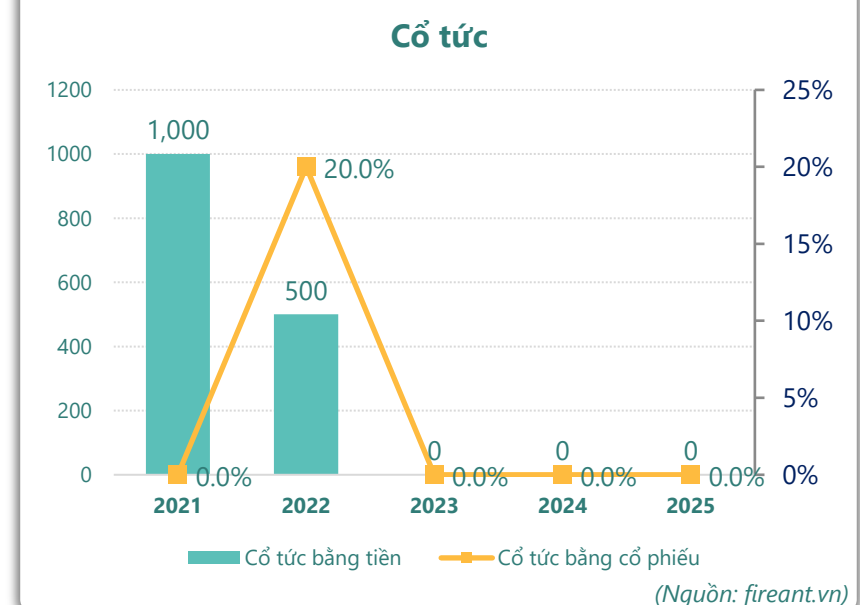
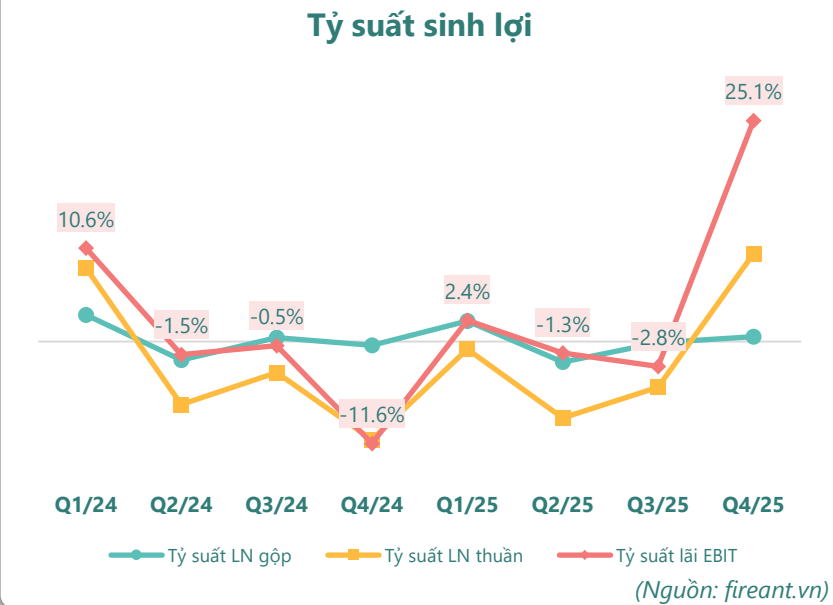
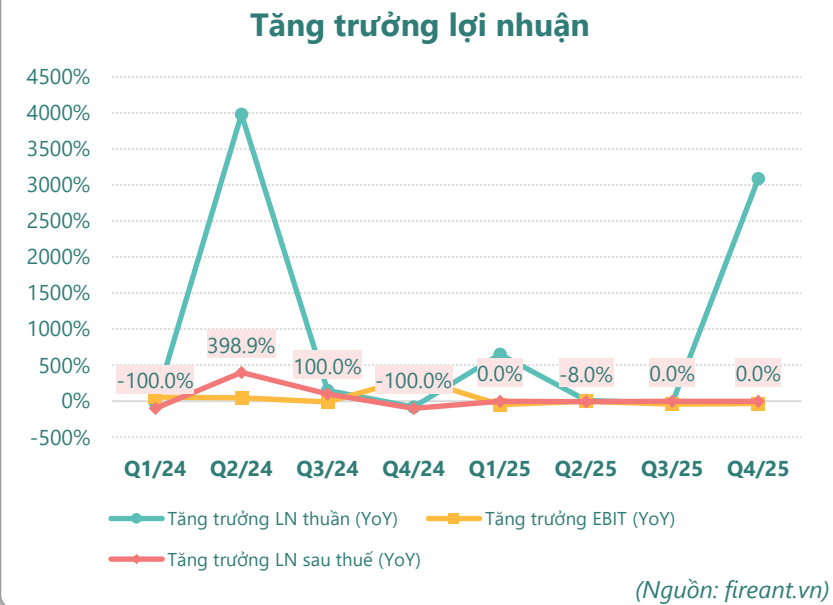
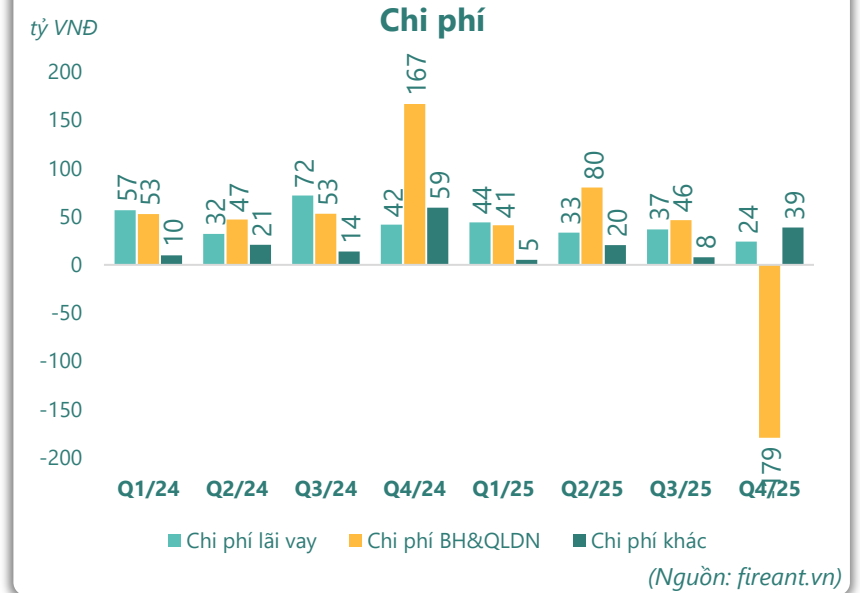
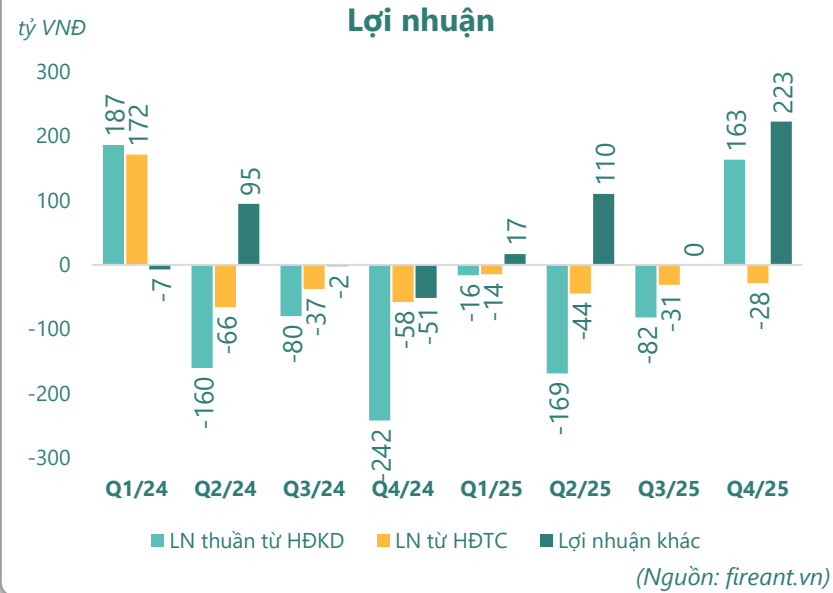
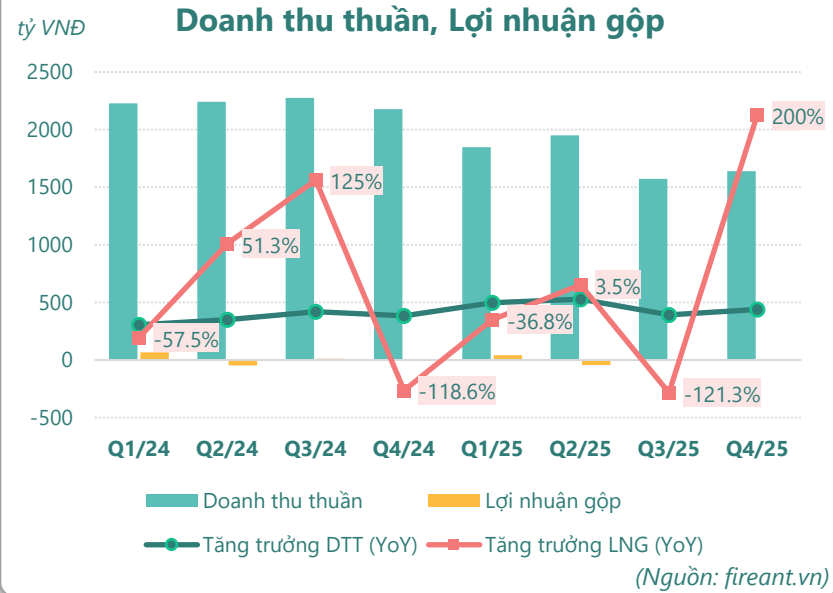
DT thuần 2025
7,007
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,923 -21.5%

LN thuần 2025
-103
tỷ VNĐ
YoY: ▼115 -963%

LN sau thuế 2025
185
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 173 1433%



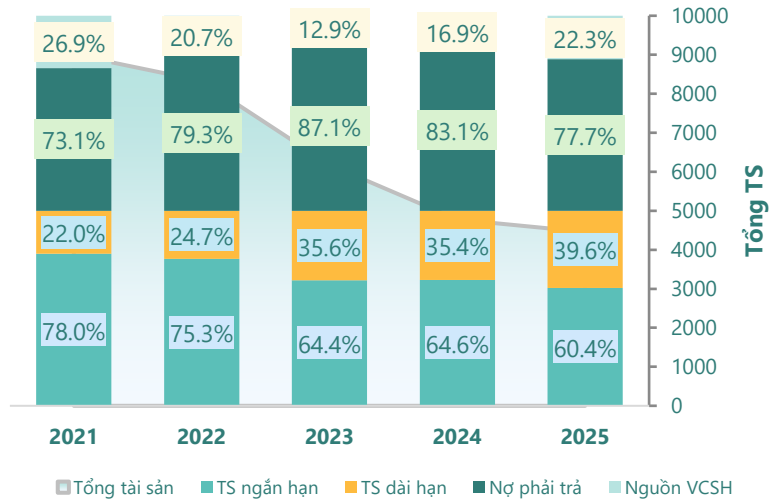
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

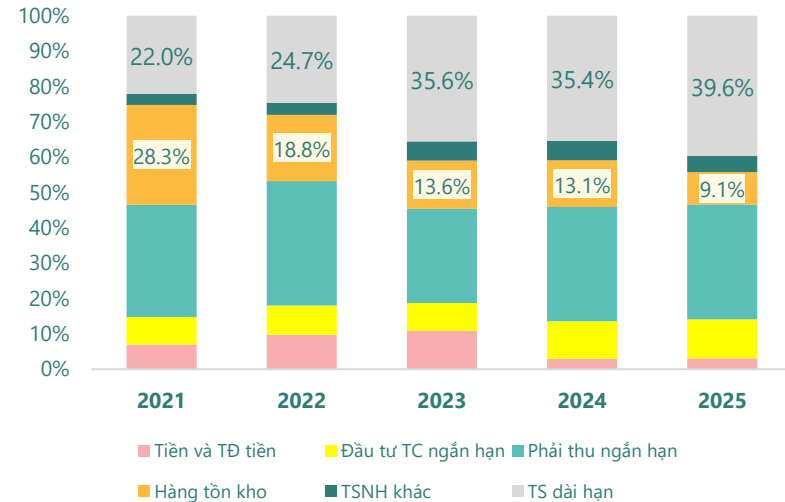
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

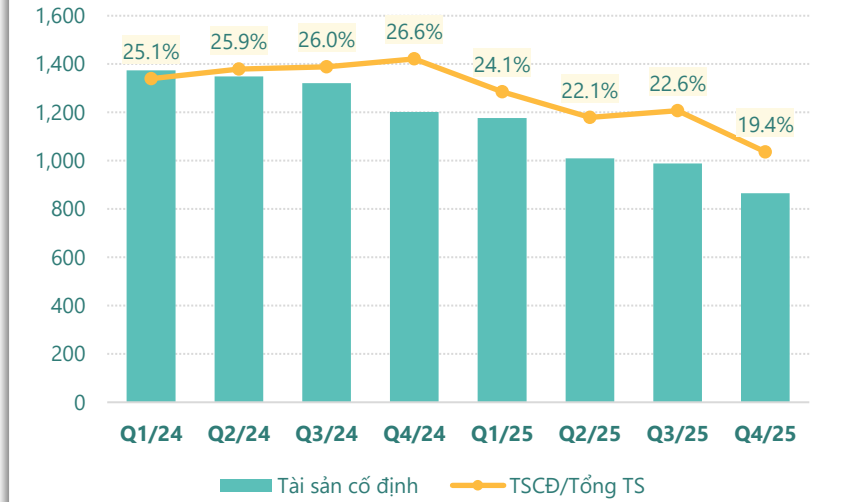
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

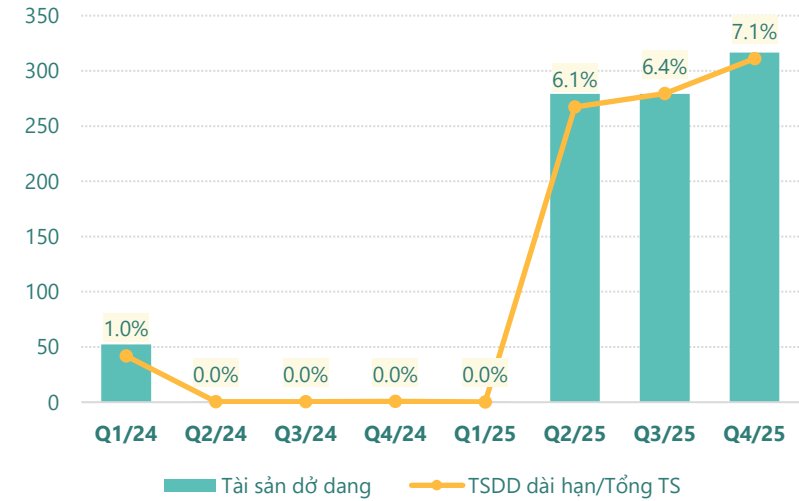
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

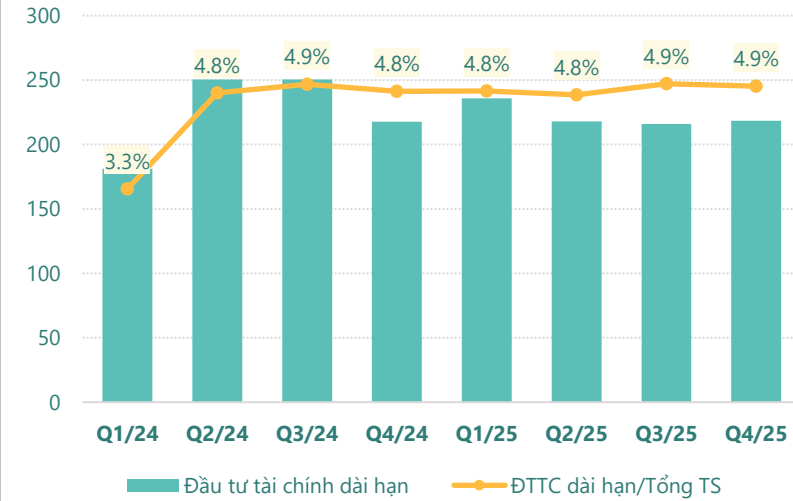
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

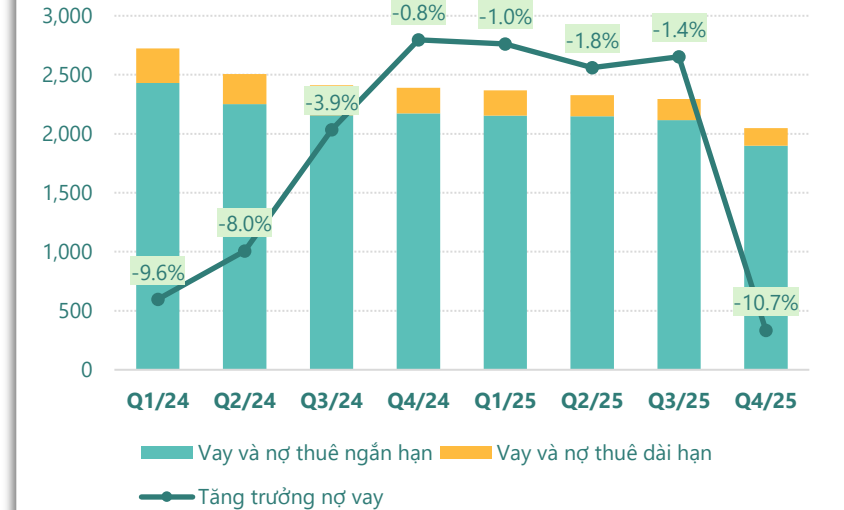
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

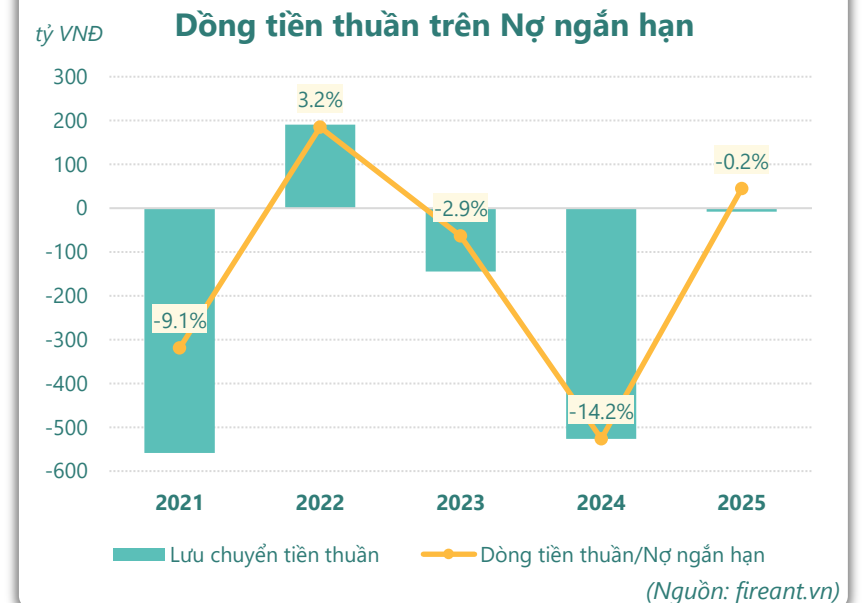
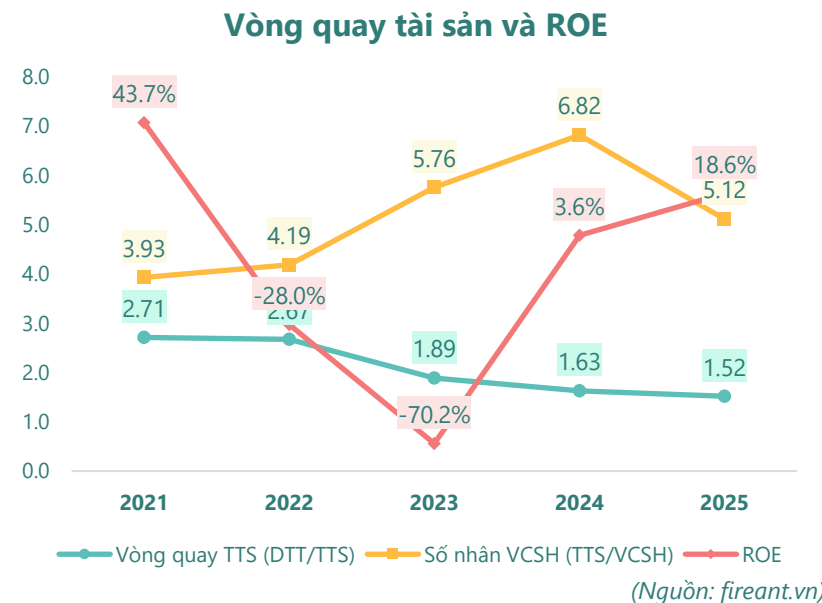
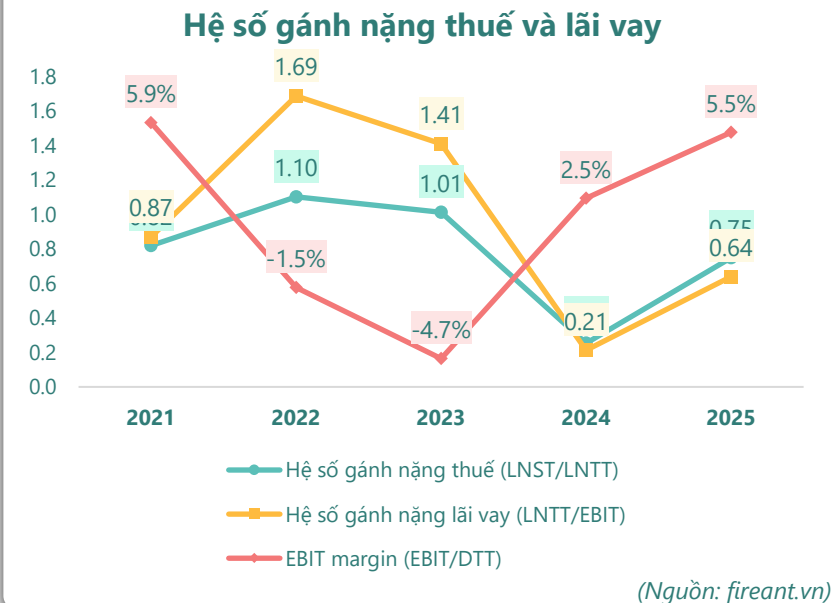
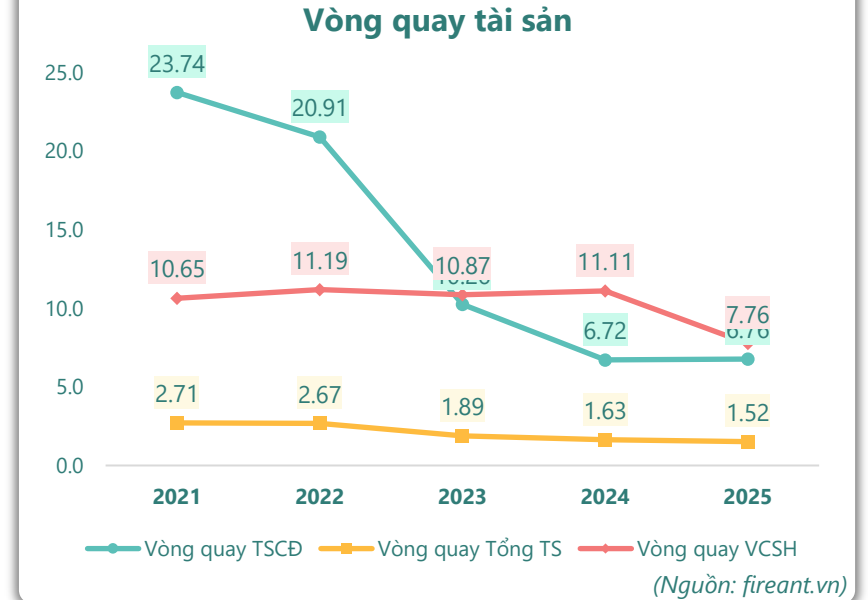
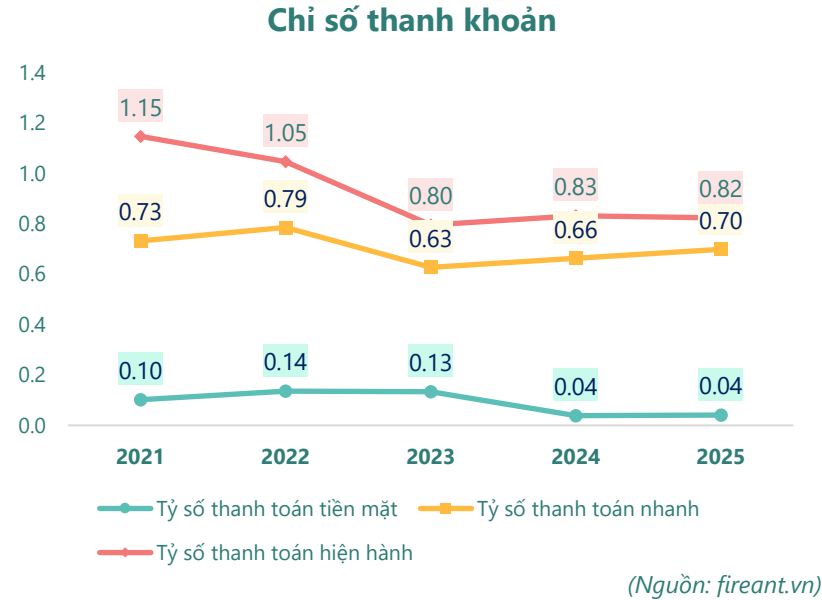
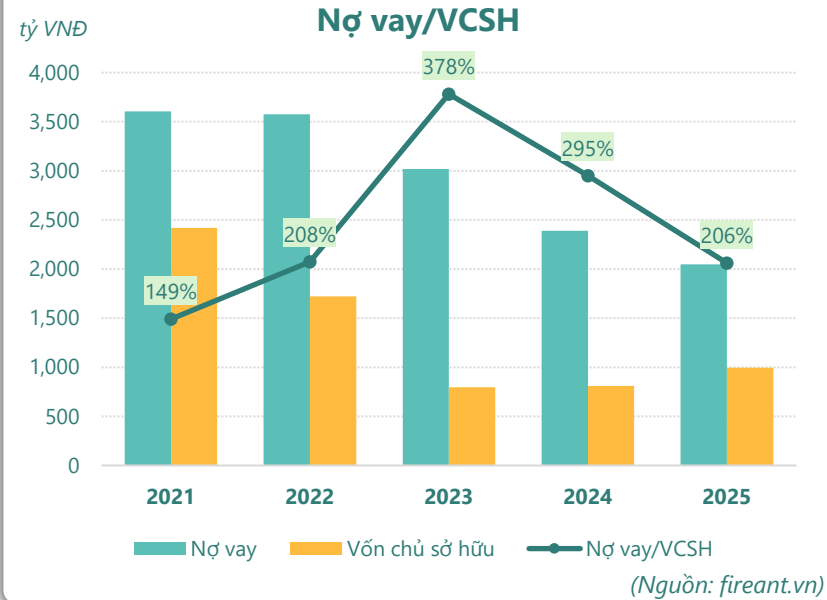
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,638	2,177	-24.8%	7,007	8,930	-21.5%
Giá vốn hàng bán	1,629	2,186	-25.5%	7,003	8,924	-21.5%
Lợi nhuận gộp	9.08	-9.06	200%	4.12	5.71	-27.9%
Doanh thu HĐTC	6.80	7.89	-13.9%	28.0	242	-88.4%
Chi phí TC	35.1	65.8	-46.7%	146	234	-37.6%
Chi phí lãi vay	24.2	41.6	-41.9%	138	176	-21.6%
LN trong công ty LKLD	3.27	-82.1	104%	-1.36	-5.01	72.9%
Chi phí bán hàng	15.6	20.7	-24.7%	69.0	91.9	-25.0%
Chi phí QLDN	-195	146	-234%	-81.0	-95.5	15.2%
LN thuần từ HĐKD	163	-242	168%	-103	12.0	-963%
Lợi nhuận khác	223	-51.2	535%	350	35.7	881%
LN trước thuế	386	-293	232%	247	47.7	417%
Lợi nhuận sau thuế	344	-294	217%	185	12.1	1433%
LNST của CĐ cty mẹ	346	-292	218%	167	29.2	473%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,092	-880	215	-345	150	-28.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	158	152	-25.6	254	-117	236
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,377	714	-174	109	-24.3	-258
Tiền đầu kỳ	285	159	143	159	177	186
Lưu chuyển tiền thuần	-126	-14.0	15.8	18.1	8.61	-50.5
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	-0.03	0.32	-0.24	0.00	0.02
Tiền cuối kỳ	159	145	159	177	186	135

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,454	4,778	-6.8%
Tài sản ngắn hạn	2,690	3,087	-12.9%
Tiền và tương đương tiền	135	143	-5.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	492	505	-2.6%
Phải thu ngắn hạn	1,448	1,547	-6.4%
Hàng tồn kho	407	628	-35.1%
Tài sản ngắn hạn khác	208	264	-21.3%
Tài sản dài hạn	1,764	1,692	4.3%
Phải thu dài hạn	148	34.4	330%
Tài sản cố định	865	1,206	-28.3%
Bất động sản đầu tư	6.11	6.48	-5.6%
Tài sản dở dang	317	0.61	51813%
Đầu tư tài chính dài hạn	219	218	0.4%
Tài sản dài hạn khác	209	226	-7.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,459	3,968	-12.8%
Nợ ngắn hạn	3,268	3,709	-11.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,900	2,173	-12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,197	1,421	-15.7%
Nợ dài hạn	191	259	-26.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	149	217	-31.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	995	810	22.9%
Vốn chủ sở hữu	995	810	22.9%
Vốn điều lệ	737	737	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

